

TỪ “CÂY” VÀ CÁCH NGHĨ VỀ THỰC VẬT CỦA NGƯỜI VIỆT

LÝ TOÀN THẮNG *
TRẦN ĐẠI NGHĨA **

1. Mở đầu

Trong sự chú ý của nhiều nhà nghiên cứu nhân loại học (dân tộc học), tâm lí học và ngôn ngữ học, sự phân loại có tính chất ngây thơ, đời thường, dân dã về giới thực vật gợi lên nhiều suy nghĩ về những nguyên lí chung của sự ý niệm hoá thế giới bên ngoài của con người cũng như về những cách thức riêng phân loại sinh vật ở mỗi dân tộc, mỗi cộng đồng bản ngữ.

Từ góc độ ngôn ngữ học, bài này, qua ngữ nghĩa của từ *cây*, có mục đích đi vào những vấn đề sau:

- Phác họa những đường nét chung về sự phân loại thế giới thực vật ở người Việt;
- Sơ bộ kiểm tra những nguyên lí (thường được coi là) phổ quát đằng sau sự phân loại sinh vật ở các ngôn ngữ tự nhiên;
- Phát hiện một vài cách nghĩ riêng của người Việt về thế giới thực vật (được phản ánh trong ngôn ngữ).

2. Các biểu tượng “*cây*” và các từ “*cây*” tương ứng

Trên cơ sở những dẫn liệu ngôn ngữ của tiếng Việt có thể thấy rằng: ứng với ý niệm “*cây*” trong tiếng Việt có 9 biểu tượng “*cây*” khác nhau, và do đó có 9 từ *cây* như sau:

* Phó giáo sư, Tiến sĩ, Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn Quốc gia, Việt Nam.

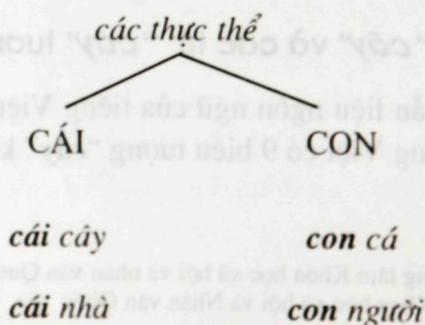
** Phó giáo sư, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia, Việt Nam.

- a) CÂY₀: như là một vật bất động (so sánh *con CÁ* - *cái CÂY₀*, *cái NHÀ*);
- b) CÂY₁: như là thực vật (so sánh *các loài CÂY₁*);
- c) CÂY₂: như là CÂY₂ trong sự đối lập với CỎ ở từ ghép: CỎ CÂY₂; thí dụ: *Xuân về CỎ CÂY₂ hoa lá tốt tươi. Thế giới CỎ CÂY₂ muông thú.*
- d) CÂY₃: như là CÂY₃ trong sự đối lập với hoa, rau (so sánh *vườn CÂY* - *vườn HOA* - *vườn RAU*).
- e) CÂY₄: như là CÂY₄ trong cây gỗ khi ta nói: *Rừng này có mấy CÂY₄ gỗ lim rất to.*
- g) CÂY₅: biểu thị một tập hợp (loài), như là: CÂY₅ *cúc*, CÂY₅ *chuối*, CÂY₅ *xoan*.
 Từ CÂY₁ đến CÂY₅ là cây như một *chính thể* đang mọc bình thường. Dưới đây, CÂY₆ và CÂY₇ chỉ hàm ý *bộ phận "thân"* của cây:
- h) CÂY₆: nghĩa như "thân cây", trong: *mua CÂY₆ mía về ăn*, CÂY₆ *gỗ* (tức là CÂY sau khi đã bị đốn, để lấy gỗ).
- i) CÂY₇: dùng ẩn dụ cho các vật dụng, như trong: CÂY₇ *cột*, CÂY₇ *lao*, CÂY₇ *nến*, CÂY₇ *bút*, CÂY₇ *kim*,...
- Sau đây là trường hợp đặc biệt trong đó CÂY biểu thị một thực thể *sinh vật* nhưng không phải là thực vật.
- k) CÂY₈: dùng cho CÂY₈ *san hô* (là động vật, theo sinh học), hoặc chỉ *người* như trong: CÂY₈ *văn nghệ*.

3. Sự phân loại dân dã về thực vật ở người Việt

Qua ý nghĩa và cách dùng của các từ CÂY trong tiếng Việt, có thể nêu lên một số nhận xét bước đầu về sự phân loại dân dã thực vật ở người Việt như sau:

3.1. Khác với nhiều ngôn ngữ ở phương Tây, trong tiếng Việt có phản ánh một sự phân loại có tính chất cơ bản, chính yếu về các thực thể rời rạc của thế giới khách quan thành hai phạm trù lớn: phạm trù thuộc CÁI và phạm trù thuộc CON (so sánh với sự phân biệt: *animate/inanimate*), được hiển thị nhờ sự hiện hữu của hai loại từ khái quát là *cái* và *con* (đi trước các danh từ), như trong sơ đồ dưới đây:



Như vậy, ở sự phân loại đầu tiên này, *cây* (thực vật) chỉ được xem như là “một loại vật bất động”, ngang hàng với những vật bất động khác trong tự nhiên và trong xã hội như: *đầm* (chỗ nước tự nhiên), *bàn* (đồ gỗ), *gutom* (vũ khí), *bút* (dụng cụ) v.v...

Thông thường, các học giả khi khảo sát về sự phân loại dân dã thực vật, chỉ bắt đầu từ bậc “giới” với sự đối lập “thực vật/động vật”. Theo chúng tôi như thế chưa đầy đủ, vì các thực vật và động vật trước hết cũng là các thực thể (*entities*), các khách thể (*objects*), và cần phải đặt sự phân loại sinh học *nói riêng* vào trong một sự phân loại không sinh học, nhưng bao trùm hơn, đặc hữu hơn, cơ bản hơn – tức là sự phân loại thế giới vật lí *nói chung* của người bản ngữ.

3.2. Ở người Việt, sự phân loại dân dã về thực vật khác về nguyên tắc với sự phân loại khoa học trong sinh học. Xin nêu một vài thí dụ minh họa:

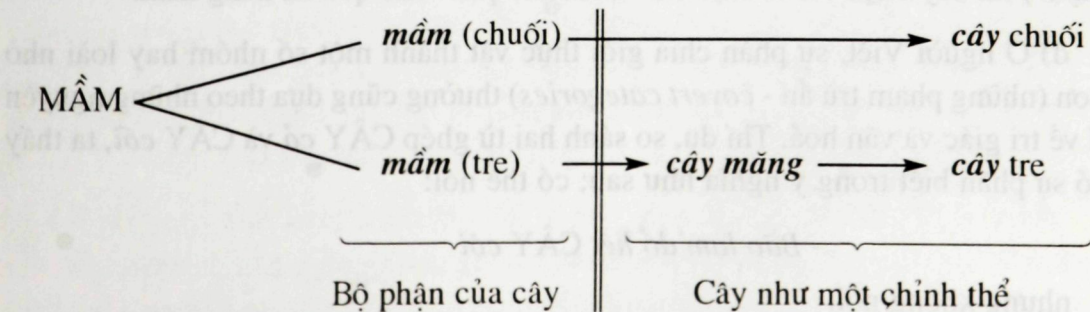
a) San hô là một loài động vật biển, nhưng được gọi là CÂY, vì nó có cấu trúc dạng cây và giống như bất cứ loại cây nào khác. Có thể liên hệ đến trường hợp CÂY *tơ hồng*, là một thứ cây leo kí sinh đặc thù ở Việt Nam, vốn cũng không có lá, chỉ có thân hình dây nhỏ (quấn vào cây chủ).

b) Cỏ năn cùng “*họ*” (theo sinh học) với cỏ, nhưng chúng được người Việt quy vào hai phạm trù là “cây₂” và “cỏ” khác nhau:

- Cỏ thuộc phạm trù “CÂY₂” (CÂY₂ *cói*), vì nó hữu ích, được trồng để làm nguyên liệu (dệt chiếu, đan buồm v.v...)
- Cỏ năn thuộc phạm trù “cỏ” (CỎ *năn*), vì nó vô ích, mọc hoang dại, thấp bé.

c) Măng cũng là một thứ “mầm”, tức là một bộ phận cây. Nhưng khác với mầm của các cây như lúa, chuối, khoai v.v... ở những cây loài tre nứa thì đến một độ lớn nhất định mầm này được gọi là “*măng*”, được coi là có tư cách của một *chính thể* hẳn hoi, thực thụ và được gọi là CÂY: CÂY *măng*; Tre già *măng* mọc.

Như vậy, ở đây có hai quá trình ý niệm hoá khác nhau, như trong sơ đồ sau:



3.3. Ở người Việt, cơ sở để phân chia dân dã giới thực vật, về cơ bản, không phải là nguyên lí “phân loại sinh học” (*biological taxonomy*) mà là những nguyên lí về “*tri giác*” và “*văn hoá*”. Sau đây là một vài chứng cứ.

a) Trường hợp CÂY bèo tây và CÂY nấm

Ở Việt Nam bèo có nhiều loại với kích cỡ, hình dáng khác nhau: *bèo tây* (còn gọi *bèo Nhật Bản*, *bèo lục bình*), *bèo cái*, *bèo tấm*, *bèo dậu*. Thế nhưng chỉ có *bèo tây* có thể được liên tưởng với biểu tượng *cây₁*, và được gọi là CÂY: CÂY *bèo tây*. Đó là vì ở loại bèo này *rõ ra từng cây rời rạc*, có *thân lá rõ rệt và chiều cao to* nhất định; ngoài ra bèo tây còn có cả hoa nữa. Trong khi đó các loại bèo khác vì quá bé, hay tụ thành đám, không rõ từng đơn vị và không có cấu tạo phân rõ như ở bèo tây: vì thế, chúng chỉ được dùng với loại từ CÁI; nghĩa là không được coi là thực vật, là cây.

Nấm, theo sinh học, có loại to như nấm hương, nấm rơm và loại nhỏ như mốc tương. Tuy nhiên, người Việt Nam chỉ gọi những thứ nấm to, có thể nhìn thấy bằng mắt như những thực thể rời rạc, là CÂY.

b) Người Việt chỉ gọi là CÂY khi thực vật đó đang *mọc ở đất*, còn khi bị nhổ lên đem ra chợ bán thì *có thể* (không phải luôn luôn) không được gọi là CÂY nữa. Thí dụ, khi mua cây giống về trồng hoặc khi chăm sóc vườn rau đang lớn thì có thể nói: CÂY *bắp cải*, CÂY *su hào*. Nhưng khi đem bán chúng ở chợ thì cách gọi tên chúng sẽ khác đi:

<i>trồng (ở đất)</i>	<i>bán (ở chợ)</i>
CÂY <i>su hào</i>	⇒ CÚ <i>su hào</i>
CÂY <i>bắp cải</i>	⇒ CÁI <i>bắp cải</i>

So sánh với:

CÂY *mía* ⇒ CÂY *mía* (chỉ bộ phận “thân” của cây)

c) Thực vật nào được người Việt xếp vào phạm trù “CÂY *hoa*” thì nhất thiết phải có hoa *đẹp* hay thơm để thưởng thức là chính, không chú ý đến quả của nó. Thí dụ, cùng là (cây) đào cả, nhưng khi nói “CÂY *hoa đào*” (rất đặc trưng ở Việt Nam) thì người Việt không nghĩ đến quả để ăn, mà trước hết đến một loại CÂY *cảnh* có hoa đẹp chơi vào dịp Tết. Còn khi nói “CÂY *đào*” (cùng loại với “CÂY *mơ*”, “CÂY *mận*”) thì đây được coi là một thứ “CÂY *ăn quả*” cho quả ăn hàng năm.

d) Ở người Việt, sự phân chia giới thực vật thành một số nhóm hay loài nhỏ hơn (những phạm trù ẩn - *covert categories*) thường cũng dựa theo những nguyên lí về tri giác và văn hoá. Thí dụ, so sánh hai từ ghép CÂY *cỏ* và CÂY *cối*, ta thấy có sự phân biệt trong ý nghĩa như sau; có thể nói:

- Bao làm đổ hết CÂY *cối*

nhưng không nói:

- Bao làm đổ hết CÂY *cỏ*.

Như vậy, biểu tượng “*cây*” trong “CÂY *CỐI*” gợi lên những loại cây *to*, *khỏe*, (như: sấu, phượng, bàng hoặc các cây cổ thụ trong rừng). Ngược lại,

trong “CÂY CỎ” thì biểu tượng “*cây*” này chỉ gợi lên những cây bụi, cây leo, cây thân cỏ mềm.

3.4. Đối với tiếng Việt, thực vật có ưu thế sử dụng hơn động vật, cụ thể là:

a) Khi phân loại các đối tượng cụ thể của thế giới bên ngoài, người Việt thường sử dụng những loại từ chuyên biệt vốn gốc là các danh từ biểu thị thực vật và các bộ phận của chúng như: *CÂY kiếm*, *QUẢ bóng*, *LÁ thư*,

b) Nếu có hai loại từ được dùng cho một danh từ biểu thị sự vật và một trong hai loại từ đó là loại từ “CÂY”, thì loại từ “CÂY” thường có hàm ý đề cao giá trị của sự vật đó. So sánh:

CÁI *cầu* ↔ CÂY *cầu*

CÁI *bút* ↔ CÂY *bút*

CÁI *kim* ↔ CÂY *kim*

c) Loại từ “CÂY” được dùng chỉ một người được tôn trọng là tài giỏi như: *CÂY làm bàn*, *CÂY văn nghệ*. Ngược lại, khi dùng với ý giảm trọng, người Việt có thể dùng “CON”; thí dụ: *CON chị*, *CON em*. *Thì CON người ấy ai cầu làm chi*.

4. Kết luận

Bài này đã đề cập đến cấu trúc ngữ nghĩa của ý niệm “*cây*” trong tiếng Việt và tập trung thảo luận về cái *cách thức* trong đó con người phạm trù hoá các thực vật của thế giới khách quan. Những cứ liệu của chúng tôi cho thấy rằng: trong các ngôn ngữ tự nhiên có một sự khác nhau rất lớn về sự ý niệm hoá các thực-động vật; sự phân loại dân dã này, về nguyên tắc, không mang tính chất “*phân loại học*” (*taxonomic*) mà quan trọng là tính chất về *tri giác* và *văn hoá*, và trong đó chủ yếu là nguyên lí “*lấy con người làm trung tâm*” (*anthropocentric*).